



Docusat DWP
50 mg/ 5 ml

Dung dịch uống

Docusat DWP
50 mg/ 5 ml

Thành phần: Mỗi gói chứa:
Docusat natri.....100 mg
Tá dược vđ.....10 ml

Đề xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR
Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân,
Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Gói 10 ml WEALPHAR SỐ SX: HD:

Docusat DWP 50 mg/ 5 ml

Hộp 30 gói x 10ml

WEALPHAR

Dung dịch uống

Composition: Each sachet contains:
Docusate sodium.....100 mg
Excipients q.s.f..... 10 ml
**Indications, administration, contra-
indications and other information:**
See package insert.
Specification: In - house.
Storage: Dry place, not above 30°C,
avoid direct sunlight.
**Keep out of reach of children.
Read the accompanying instruc-
tions carefully before use.**

Cơ sở sản xuất / Manufacturer:
CT CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR/
WEALPHAR PHARMACEUTICAL
J.S.C
Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân,
Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ./
Lot CN5, Thụy Vân Industrial Park,
Thụy Vân Ward, Viet Tri City, Phu Tho
Province.

Docusat DWP 50 mg/ 5 ml

Box of 30 sachets x 10ml

WEALPHAR

Oral solution

Thành phần: Mỗi gói chứa:
Docusat natri.....100 mg
Tá dược vđ.....10 ml

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ
định và các thông tin khác:** Xem
trong tờ hướng dẫn sử dụng
thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ
không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Đề xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng
trước khi dùng.

SDK (Reg. No) :
Số lô SX (Lot. No) :
NSX (Mfg. Date) :
HD (Exp. Date) :



Docusat DWP
 50 mg/ 5 ml

Dung dịch uống

Thành phần: Mỗi gói chứa:

Docusat natri.....50 mg

Tá dược vđ.....5 ml

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR

Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân,

Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Gói 5 ml

WEALPHAR

Số SX:

HD:

Dung dịch uống

Docusat DWP 50 mg/ 5 ml

Composition: Each sachet contains:
 Docusate sodium.....50 mg
 Excipients q.s.f..... 5 ml
Indications, administration, contra-indications and other information:
 See package insert.
Specification: In - house.
Storage: Dry place, not above 30°C, avoid direct sunlight.
Keep out of reach of children.
Read the accompanying instructions carefully before use.

Cơ sở sản xuất / Manufacturer:
 CT CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR/
 WEALPHAR PHARMACEUTICAL
 J.S.C
 Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân,
 Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì,
 Tỉnh Phú Thọ./
 Lot CN5, Thụy Vân Industrial Park,
 Thụy Vân Ward, Việt Trì City, Phú Thọ
 Province.

Hộp 30 gói x 5ml

WEALPHAR

Oral solution

Docusat DWP 50 mg/ 5 ml

Thành phần: Mỗi gói chứa:
 Docusat natri.....50 mg
 Tá dược vđ.....5 ml

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

SĐK (Reg.No) :
Số lô SX (Lot. No) :
NSX (Mfg. Date) :
HD (Exp. Date) :

Box of 30 sachets x 5ml

WEALPHAR

Dung dịch uống Docusat DWP 50 mg/ 5 ml			
Thành phần/ Composition: Docusat natri/ Docusate sodium1% Tá dược/ Excipientsvd/q.s. Tiêu chuẩn/ Specification: TCCS/ In-house. Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng/ Dry place, not above 30°C, avoid direct sunlight. Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, administration, contraindications and other information: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/ See package insert.	Dung dịch uống Docusat DWP 50 mg/ 5 ml	Đề xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Keep out of reach of children. Read the accompanying instructions carefully before use. Cơ sở sản xuất / Manufacturer: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR/ WEALPHAR PHARMACEUTICAL J.S.C Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ/ Lot CN5, Thụy Vân Industrial Park, Thụy Vân Commune, Viet Tri City, Phu Tho Province. SDK (Reg. No) : Số lô SX (Lot. No) : NSX (Mfg. Date) : HD (Exp. Date) :	Oral solution Docusat DWP 50 mg/ 5 ml
	Hộp 1 chai x 60ml		Box of 1 bottle x 60ml
	WEALPHAR		WEALPHAR

Dung dịch uống Docusat DWP 50 mg/ 5 ml	Thành phần: Docusat natri 1% Tá dược.....vừa đủ
Chai 60ml	CT CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ. Số lô SX: HD :

Dung dịch uống

Docusat DWP

50 mg/ 5 ml

Chai 120ml

Thành phần:

Docusat natri 1%

Tã được.....vừa đủ

CT CP DƯỢC PHẨM WEALPHAR

Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân,
Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh
Phú Thọ.

Số SX:
HD :

DOCUSAT DWP 50 mg/ 5 ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



1. Thành phần công thức thuốc

Thành phần được chất: Docusat natri 50mg.

Thành phần tá dược: Povidon K30, Nipagin, Nipasol, Acid citric khan, Natri citrat, Sucralose, Hương dâu, Màu Allura red, Glycerin, Sorbitol solution 70% (non-crystalline), Nước tinh khiết vừa đủ.

2. Dạng bào chế: Dung dịch uống.

Mô tả: Dung dịch trong, màu hồng, mùi thơm, vị ngọt.

3. Chỉ định

Điều trị triệu chứng táo bón, giúp đại tiện dễ dàng đối với người bị trĩ, nứt hậu môn, hoặc tránh gắng sức khi đi đại tiện sau nhồi máu cơ tim.

Phụ trợ làm sạch ruột trước khi tiến hành X-quang ổ bụng.

4. Cách dùng, liều dùng

Cách dùng: Thuốc dùng đường uống. Liều uống của các muối docusat thay đổi tùy theo mức độ nghiêm trọng của bệnh và đáp ứng của người bệnh. Phải điều chỉnh liều theo đáp ứng của từng cá thể.

Có thể uống trực tiếp hoặc hòa với sữa hoặc nước trái cây.

Uống nhiều nước trong ngày, không uống quá 7 ngày.

Liều dùng:

Làm mềm phân, điều trị triệu chứng táo bón

Người lớn và trẻ em ≥ 12 tuổi:

Uống 50 - 360 mg/ngày (5 - 36 ml/ngày), có thể tới 500 mg/ngày (50 ml/ngày), chia làm nhiều lần nhưng thường một liều uống trước khi đi ngủ là đủ. Khi bắt đầu điều trị, nên dùng liều cao, sau đó điều chỉnh theo đáp ứng (thí dụ dùng liều 200 mg docusat natri tương ứng 20 ml). Tác dụng thường rõ vào ngày 1 - 3 sau liều đầu tiên.

Trẻ em:

Chỉ dùng cho trẻ em ≥ 6 tháng tuổi bị táo bón mạn tính.

6 tháng - 2 tuổi: Docusat natri: Uống 12,5 mg/lần (1,25 ml/lần), 3 lần/ngày.

2 - 12 tuổi: Docusat natri: Uống 12,5 - 25 mg/lần (1,25 - 2,5 ml/lần), 3 lần/ngày. Liều cho trẻ em không nên vượt quá 120 mg docusat natri/ngày (12 ml/ngày).

Người cao tuổi: Không có bằng chứng nào cho thấy cần phải điều chỉnh liều dùng ở người cao tuổi.

Phụ trợ khi tiến hành X-quang ổ bụng

Người lớn và trẻ em ≥ 12 tuổi: Uống 400 mg docusat natri (40 ml) với thuốc cản quang bari sulfat.

Trẻ em: Uống 75 mg docusat natri (7,5 ml) với thuốc cản quang bari sulfat.

Người cao tuổi: Không có bằng chứng nào cho thấy cần phải điều chỉnh liều dùng ở người cao tuổi.

5. Chống chỉ định

Quá mẫn với thuốc.

Không sử dụng cho trẻ dưới 6 tháng tuổi.

Tắc ruột

Đau bụng cấp chưa rõ nguyên nhân.

Buồn nôn, nôn ói.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Cần loại trừ các rối loạn thực thể trước khi dùng bất kỳ loại thuốc nhuận tràng nào.

Việc điều trị táo bón bằng bất kỳ sản phẩm thuốc nào chỉ hỗ trợ cho lối sống và chế độ ăn uống lành mạnh, ví dụ:

- tăng lượng chất lỏng và chất xơ ăn vào
- tư vấn về hoạt động thể chất phù hợp.

Nếu cần dùng thuốc nhuận tràng mỗi ngày hoặc nếu bị đau bụng dai dẳng, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

Tránh dùng thuốc kéo dài vì có thể làm đại tràng giảm trương lực và hạ kali huyết (bệnh do thuốc nhuận tràng).

Không dùng phối hợp với dầu khoáng (dầu parafin).

Thuốc này có chứa nipagin và nipasol, có thể gây ra phản ứng dị ứng (đôi khi khởi phát muộn).

Thuốc này có chứa natri. Thuốc này chứa ít hơn 1 mmol natri (23 mg) trên mỗi liều 5 mL, về cơ bản là “không chứa natri”.

Mỗi 5ml dung dịch uống chứa từ 734 đến 994 mg sorbitol. Sorbitol là 1 nguồn cung cấp fructose. Nếu không dung nạp được một số loại đường hoặc mắc chứng không dung nạp fructose di truyền (HFI), hãy thông báo với bác sĩ trước khi dùng thuốc.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

* Thời kỳ mang thai

Mẹ dùng docusat trong thời kỳ mang thai có thể gây hạ magesi huyết thứ phát ở trẻ sơ sinh. Thận trọng khi dùng thuốc trong thời kỳ mang thai. Tránh dùng trong 3 tháng đầu thai kỳ.

* Thời kỳ cho con bú:

Docusat bài tiết vào được sữa mẹ. Tránh dùng trong thời kỳ cho con bú.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Chưa có báo cáo.

9. Tương tác, tương kỵ của thuốc

* Tương tác của thuốc:

Docusat có thể tăng cường sự hấp thu qua đường tiêu hóa của các thuốc khác như parafin lỏng (không được dùng đồng thời 2 thuốc này với nhau), danthron hoặc phenolphthalein. Dùng cách xa các thuốc khác ít nhất 2 giờ.

Giảm liều của thuốc nhuận tràng anthraquinon nếu dùng cùng docusat.

Dùng đồng thời docusat với aspirin làm tăng ADR trên niêm mạc đường tiêu hóa.

* **Tương kỵ của thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Các ADR hiếm xảy ra khi dùng docusat: Buồn nôn, kích ứng họng (chủ yếu khi dùng dạng lỏng), ỉa chảy, đau, co cứng bụng nhẹ và thoáng qua, ban trên da.

Nghiên cứu *in vitro* thấy docusat natri gây độc với các tế bào gan.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Các ADR rất hiếm và thường nhẹ, không cần phải xử trí, tự hết khi ngừng thuốc.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng: Ía chảy, đau bụng và hội chứng mất nước, hạ kali huyết.

Xử trí: Điều trị triệu chứng, lập lại cân bằng nước và điện giải.

12. Nhóm dược lý

Mã ATC: A06AA02.

Nhóm dược lý: Thuốc nhuận tràng làm mềm phân. Thuốc nhuận tràng kích thích. Chất điện hoạt

13. Quy cách đóng gói

Hộp 30 gói 5 ml. Hộp 30 gói 10 ml. Hộp 1 chai 60 ml. Hộp 1 chai 120 ml.

14. Điều kiện bảo quản

Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

15. Hạn dùng

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng sau khi mở nắp: 4 tuần.

16. Tiêu chuẩn chất lượng thuốc

TCCS.

17. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR

Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.